

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
(Số 89 Nguyễn Huệ, phường 1, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2012

(HỢP NHẤT)

Nơi nhận báo cáo:

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thu yết	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		763,457,396,552	926,571,122,807
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	68,098,340,954	65,345,695,565
1. Tiền	111		24,597,838,255	34,258,428,491
2. Các khoản tương đương tiền	112		43,500,502,699	31,087,267,074
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		60,000,000,000	60,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		60,000,000,000	60,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.02	245,841,003,613	368,550,414,617
1. Phải thu khách hàng	131		134,006,830,676	237,967,700,733
2. Trả trước cho người bán	132		43,211,791,646	45,629,921,707
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		79,279,842,319	92,861,464,039
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(10,657,461,028)	(7,908,671,862)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	370,742,423,562	409,109,362,596
1. Hàng tồn kho	141		372,573,859,649	409,660,221,344
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,831,436,087)	(550,858,748)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04	18,775,628,423	23,565,650,029
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		601,801,557	913,329,633
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8,936,403,415	11,671,373,304
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		1,657,263,024	4,201,738,553
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7,580,160,427	6,779,208,539
B. Tài sản dài hạn	200		183,536,100,589	272,376,225,218
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		170,865,643,367	257,156,656,550
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	91,399,503,113	153,208,677,801
- Nguyên giá	222		216,956,648,569	277,969,336,068
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125,557,145,456)	(124,760,658,267)
2. TSCĐ vô hình	227	V.06	9,055,929,902	16,822,885,624
- Nguyên giá	228		9,545,219,613	17,171,384,297
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(489,289,711)	(348,498,673)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	70,410,210,352	87,125,093,125
III. Bất động sản đầu tư	240	V.08		
1. Nguyên giá	241		1,408,131,849	1,408,131,849
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1,408,131,849)	(1,408,131,849)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6,998,653,906	7,688,040,021
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	2,508,059,906	3,197,446,021
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	4,490,594,000	4,490,594,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,799,412,576	5,284,659,760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2,410,708,968	3,351,443,384
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1,388,703,608	1,933,216,376
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		1,872,390,739	2,246,868,887
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		946,993,497,141	1,198,947,348,025

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thu	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		791,837,847,587	957,500,320,381
I. Nợ ngắn hạn	310		685,890,845,858	876,729,831,826
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	556,676,506,368	717,907,129,243
2. Phải trả người bán	312	V.14	109,900,564,693	135,791,455,385
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	937,852,023	1,001,434,640
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	4,687,780,348	10,982,710,952
5. Phải trả người lao động	315	V.16	1,638,056,000	3,109,205,698
6. Chi phí phải trả	316	V.17	3,153,242,626	3,108,327,651
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	8,947,756,768	6,336,102,736
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(50,912,968)	(1,506,534,479)
II. Nợ dài hạn	330		105,947,001,729	80,770,488,555
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	32,898,604,359	35,556,326,750
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	24,430,618,300	18,637,777,573
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	-	71,517,866
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.19	48,617,779,070	26,504,866,366
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.22	146,916,502,568	203,359,453,775
I. Vốn chủ sở hữu	410		146,916,502,568	203,359,453,775
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		132,000,000,000	132,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		14,920,000,000	14,920,000,000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(650,991,917)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15,728,437,700	13,200,437,700
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10,443,898,500	9,179,898,500
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(26,175,833,633)	34,710,109,492
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		8,239,146,986	38,087,573,869
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		946,993,497,141	1,198,947,348,025

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	-	-
- USD	911,087.89	1,120,101.18
- EUR	2,054.32	1,395.31

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Nghe

NGUYỄN VĂN HUỆ
Lập biểu

HUYỀN LONG HỒ
Kế toán trưởng

PHẠM VĂN DŨNG
P.Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		577,312,527,524	634,982,991,666	2,062,128,871,493	2,787,583,501,987
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu			396,392,507,296	346,179,425,144	1,341,977,814,092	1,810,829,694,844
2. Các khoản giảm trừ	02		196,611,937	11,108,646,138	3,195,308,676	11,875,700,839
Chiết khấu thương mại			196,611,937	272,280,000	217,812,366	272,280,000
Giảm giá hàng bán					397,117,965	767,054,701
Hàng bán bị trả lại				10,836,366,138	2,580,378,345	10,836,366,138
3. Doanh thu thuần	10	VL23	577,115,915,587	623,874,345,528	2,058,933,562,817	2,775,707,801,148
4. Giá vốn hàng bán	11	VL24	540,909,682,041	561,793,428,898	1,953,823,879,707	2,551,851,665,914
5. Lợi nhuận gộp	20		36,206,233,546	62,080,916,630	105,109,683,110	223,856,135,234
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL26	8,823,238,602	13,716,199,770	33,070,813,182	85,165,292,884
7. Chi phí tài chính	22	VL26	19,222,335,311	38,533,477,573	98,247,542,595	134,452,594,891
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18,683,947,934	35,565,363,441	94,991,232,883	103,821,236,313
8. Chi phí bán hàng	24	VL27	23,586,141,394	15,772,620,131	81,090,678,783	79,943,603,922
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL28	18,113,227,601	18,552,274,002	58,839,836,060	63,002,370,381
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	30		(15,892,232,158)	2,938,744,694	(99,997,561,146)	31,622,858,924
11. Thu nhập khác	31	VL29	165,761,088,617	4,128,633,992	171,038,401,074	15,935,855,700
12. Chi phí khác	32	VL30	98,923,306,796	979,425,138	99,347,075,536	1,940,258,110
13. Lợi nhuận khác	40		66,837,781,821	3,149,208,854	71,691,325,538	13,995,597,590
14. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên do	45		(689,386,115)	(628,851,500)	(689,386,115)	(628,851,500)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50,256,163,548	5,459,102,048	(28,995,621,723)	44,989,605,014
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL31	(1,504,582,180)	3,026,082,670	2,432,770,914	10,709,069,398
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		159,735,417	(1,661,231,377)	544,512,768	(1,632,907,643)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		51,601,010,311	4,094,250,755	(31,972,905,405)	35,913,443,259
Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế phân bổ cho:						
19. Cổ đông thiểu số	61		(14,933,440)	251,216,083	(191,390,647)	3,362,990,274
20. Cổ đông Công ty mẹ	62		51,615,943,751	3,843,034,672	(31,781,514,758)	32,550,452,985
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL33	3,910	291	(2,408)	2,466

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

nghe

NGUYỄN VĂN HUỆ
Lập biểu

HUYỀN LONG HỒ
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN DŨNG
P.Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(28,995,621,720)	44,989,605,014
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	26,488,929,736	23,349,914,901
Các khoản dự phòng	03	4,029,366,505	4,964,672,511
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(90,576,991,593)	(11,320,994,817)
Chi phí lãi vay	06	94,991,232,883	103,821,236,313
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	5,936,915,811	165,804,433,922
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	124,472,211,005	(41,308,533,303)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	35,959,951,440	(170,258,357,019)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(51,656,458,956)	4,628,800,636
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	1,252,262,492	(313,742,636)
Tiền lãi vay đã trả	13	(94,183,505,016)	(102,742,748,761)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(41,002,297)	(9,354,101,308)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5,551,486,610	22,509,982,966
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(7,329,906,740)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27,291,861,089	(138,364,172,243)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(26,208,753,507)	(63,568,395,845)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	162,112,977,422	851,382,732
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	(60,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	670,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21,359,542,533	12,405,728,164
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	157,263,766,448	(109,641,284,949)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	2,730,340,000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	2,610,758,825,280	2,322,807,499,755
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,766,196,607,428)	(2,168,381,053,625)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(26,365,200,000)	(52,656,630,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(181,802,982,148)	104,500,156,130
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2,752,645,389	(143,505,301,062)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	65,345,695,565	208,829,755,572
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	21,241,055
Tiền tồn cuối kỳ	70	68,098,340,954	65,345,695,565

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Nguyễn Văn Huệ

NGUYỄN VĂN HUỆ

Lập biểu

Hùng Long Hồ

HÙNG LONG HỒ

Kế toán trưởng



PHẠM VĂN DŨNG

P.Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Docimexco trước đây là Công ty Thương nghiệp Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 04/QĐ-UBND-TL ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Thời điểm bàn giao sang Công ty Cổ phần là ngày 06/7/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000075 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/04/2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 132 tỷ đồng, được chia thành 13.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty đến ngày lập báo cáo là:

Danh sách cổ đông:	% cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần
+ Tổng Công Ty Đầu Tư & Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	20.27%	2,675,960
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	48.34%	6,381,387
+ Các cổ đông còn lại	31.38%	4,142,653
Cộng	100%	13,200,000

2. Ngành nghề kinh doanh

Bách hoá vải sợi, điện máy, xe đạp, xe máy, vật liệu xây dựng, chất đốt, nông sản thực phẩm, lương thực, xuất khẩu lương thực, nông sản, thực phẩm, chế biến đông lạnh được nhà nước cho phép. Nhập khẩu vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu và một số hàng tiêu dùng thiết yếu được Nhà nước cho phép. Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát. Nhập khẩu hàng nông, lâm hải sản phục vụ sản xuất chế biến để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Kinh doanh mặt hàng gỗ tròn và gỗ xẻ các loại. Kinh doanh hàng thủy sản. Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi cá (nước mặn, nước ngọt, nước lợ).

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Khai thác cát, đá, đất. Xây dựng công trình, hạng mục công trình. San lấp mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu Công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Mua bán, nhập khẩu phân bón các loại. Kinh doanh thuốc thú y; thuốc thú y thủy sản. Bán buôn, bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Mua bán, xuất nhập khẩu hoá chất (trừ hoá chất sử dụng trong nông nghiệp); sản xuất các sản phẩm từ plastic; in bao bì các loại. Tái chế phế liệu phi kim loại, mua bán, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Mua bán phôi thép, phôi sắt. Mua bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy.

3. Tên giao dịch, trụ sở, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc

- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Dong Thap Trading Corporation.

- Trụ sở chính đặt tại số 89 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh; Chi nhánh Docifish; Chi nhánh Docifood; Chi nhánh Docitrade và Chi nhánh Dociland.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có con dấu riêng; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

4. Tổng số các Công ty con: 04 Công ty.

5. Danh sách các Công ty được hợp nhất

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Một thành viên DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp	252 Nguyễn Huệ, Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp Ấp Tân Phước, Huyện Tân Hồng, Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	100%	100%
Công ty TNHH MTV Lương Thực Hồng Tân	Huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	100%	100%
Công ty cổ phần Tam Nông	Huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	51%	51%
Công ty cổ phần Docifish	Khu C, KCN Sa Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	99,99%	99,99%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Docimexco và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Đầu tư vào Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam ("VND") được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính như sau:

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính

7. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

8. Phải thu khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT/BTC ngày 21/10/2009 của Bộ Tài Chính. Tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Hệ thống mạng máy tính	05 năm
Phần mềm kế toán	03 năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	05 - 10 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	49 - 50 năm

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Khi bất động sản đầu tư được bán, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

11. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả dài hạn để phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn;

Lợi thế thương mại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm, bất lợi thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và xã hội

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

14. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4.5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9.5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

16. Chi phí lãi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

18. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Đối với các khoản lỗ phát sinh tại các Công ty con, do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

20. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ. Riêng khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu khi chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần được Công ty chuyển về cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền		31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	VND	1,133,802,500	901,947,000
Tiền mặt	USD&EUR	95,327,525	58,647,347
Tiền gửi ngân hàng	VND	4,441,852,981	9,939,022,590
Tiền gửi ngân hàng	USD&EUR	18,926,855,249	23,313,571,554
Tiền đang chuyển	VND	-	45,240,000
Tiền gửi kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng		43,500,502,699	31,087,267,074
Cộng		68,098,340,954	65,345,695,565
2. Các khoản phải thu ngắn hạn		31/12/2012	01/01/2012
Phải thu khách hàng	(2.1)	134,006,830,676	237,967,700,733
Trả trước người bán	(2.2)	43,211,791,646	45,629,921,707
Phải thu khác	(2.3)	79,279,842,319	92,861,464,039
Cộng		256,498,464,641	376,459,086,479
Dự phòng phải thu khó đòi		(10,657,461,028)	(7,908,671,862)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		245,841,003,613	368,550,414,617
(2.1) Trong đó, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ là: 3.528.108 USD tương đương 74.628.247.797 đồng.			
(2.2) Bao gồm: các khoản ứng trước tiền mua nguyên liệu, vật tư, hàng hoá, xây dựng các công trình cho các nhà cung cấp.			
(2.3) Bao gồm:		31/12/2012	01/01/2012
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim			20,000,000,000
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần			
Xuất Nhập khẩu An Giang(Nguyễn Kim)		74,482,161,991	68,709,121,697
Các khoản phải thu khác		4,797,680,328	4,152,342,342
Cộng		79,279,842,319	92,861,464,039
3. Hàng tồn kho		31/12/2012	01/01/2012
Nguyên vật liệu		17,323,553,761	51,471,138,138
Công cụ, dụng cụ trong kho		1,016,184,127	2,617,763,897
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(3.1)	166,647,327,292	81,603,185,801
Thành phẩm tồn kho		157,835,788,716	127,400,177,992
Hàng hoá		29,751,005,753	146,567,955,516
Hàng gửi bán		-	-
Cộng		372,573,859,649	409,660,221,344
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1,831,436,087)	(550,858,748)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		370,742,423,562	409,109,362,596

(3.1) Chủ yếu là chi phí ao nuôi cá nguyên liệu chưa thu hoạch là: 160.375.407.130 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Tài sản ngắn hạn khác		31/12/2012	01/01/2012			
Chi phí trả trước ngắn hạn		601,801,557	913,329,633			
Thuế GTGT được khấu trừ		8,936,403,415	11,671,373,304			
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		1,657,263,024	4,201,738,553			
Tài sản ngắn hạn khác		(4.1)	7,580,160,427	6,779,208,539		
Cộng		18,775,628,423	23,565,650,029			
(4.1) Bao gồm:		31/12/2012	01/01/2012			
- Tài sản thiếu chờ xử lý		2,132,067,667	1,709,043,715			
- Tạm ứng		2,914,091,115	2,377,347,129			
- Ký quỹ Ngân hàng Công thương Đồng Tháp		2,405,218,716	2,150,112,028			
+ Ký quỹ NH Công thương CN Sa Đéc			392,053,338			
- Ký quỹ NH ACB		64,535,625	64,535,625			
- Ký quỹ NH Eximbank		59,447,304	59,447,304			
- Ký quỹ NHVCB						
- Ký quỹ khác		4,800,000	26,669,400			
Cộng		7,580,160,427	6,779,208,539			
5. Tài sản cố định		Đơn vị tính: triệu đồng				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	144,990	103,972	21,774	4,879	2,354	277,969
Mua mới	26,057	23,985	3,270	2,715	411	56,438
XDCB hoàn thành	1,087	252			28	1,367
Tăng khác						-
Giảm do HN báo cáo	4,432					4,432
Thanh lý	70,269	35,923	7,474	175	544	114,385
Số dư cuối năm	97,433	92,286	17,570	7,419	2,249	216,957
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	62,607	50,495	7,874	2,948	837	124,761
Tăng	8,762	12,937	2,928	1,079	642	26,348
Giảm do HN báo cáo	117	522				639
Giảm do thanh lý	11,068	11,116	2,190	172	367	24,913
Giảm khác						-
Số dư cuối năm	60,184	51,794	8,612	3,855	1,112	125,557
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	82,383	53,477	13,900	1,931	1,517	153,208
Số dư cuối năm	37,249	40,492	8,958	3,564	1,137	91,400

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

a. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	16,712,878,297	458,506,000	17,171,384,297
Tăng		171,159,000	171,159,000
Giảm	7,797,323,684		7,797,323,684
Số dư cuối năm	8,915,554,613	629,665,000	9,545,219,613
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	52,916,145	295,582,528	348,498,673
Tăng	13,853,604	126,937,434	140,791,038
Giảm			
Số dư cuối năm	66,769,749	422,519,962	489,289,711
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	16,659,962,152	162,923,472	16,822,885,624
Số dư cuối năm	8,848,784,864	207,145,038	9,055,929,902

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn tại chi nhánh Docifood 450.697.460 đồng; quyền sử dụng đất tại kho phân Tam Nông : 162.000.000 đồng; quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Dociland 535.040.000 đồng; quyền sử dụng đất tại Chi nhánh TP .HCM 2.592.000.000 đồng; quyền sử dụng đất tại thành phố Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp có thời hạn 50 năm (đến ngày 21/3/2058) là 635.880.000 đồng; và quyền sử dụng đất tại huyện Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp (đến ngày 08/5/2058) là 56.800.000 đồng. Công ty đang thực hiện các thủ tục chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 thửa đất tại thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng Tháp. Quyền sử dụng đất xã Tân Công Chí - Huyện Tân Hồng: 4.483.137.153 đồng.

Tài sản cố định khác bao gồm hệ thống mạng máy tính, phần mềm quản lý kho lạnh và phần mềm kế toán.

7. Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:		
- Mua sắm tài sản cố định		34,533,439,888
- Công trình KCN Sông Hậu - Ngân sách cấp	(7.1) 29,622,134,687	28,869,108,360
- Công trình KCN Sông Hậu - khác	1,382,680,351	1,669,762,207
- Công trình kho lạnh Docifish		-
- Công trình đầu tư XD nhà máy chế biến gạo	1,655,476,234	1,655,476,234
- Công trình đầu tư XD nhà máy chế biến gạo Giồng Gang	9,862,547,787	2,665,290,701
- Chi phí đào ao nuôi cá		-
- Dự án Tam Nông	20,154,920,385	13,220,067,804
- Các công trình khác	7,732,450,908	4,511,947,931
Cộng	70,410,210,352	87,125,093,125

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(7.1) Đây là khoản chi liên quan đến việc đầu tư vào công trình khu công nghiệp Sông Hậu do Công ty làm chủ đầu tư theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Hậu, tỉnh Đồng Tháp, hạng mục công trình đến bù và đường giao thông, thoát nước. Tổng mức vốn đầu tư là 83,3 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước đã chuyển đến Công ty đến ngày 31/12/2012 là 86.060.412.000 đồng. Công ty đã quyết toán với Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Tháp liên quan đến chi phí đến bù là 49.571.201.000 đồng. Hoàn trả ngân sách chi phí đến bù: 3.590.606.641 đồng. Thời gian kinh doanh là 50 năm kể từ ngày có quyết định đầu tư. Công ty đã khai thác kinh doanh cho thuê lại một phần khu công nghiệp

8. Bất động sản đầu tư	Chi phí đào ao	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1,408,131,849	1,408,131,849
Tăng	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	(*) 1,408,131,849	1,408,131,849
Khấu hao lũy kế		
Số dư đầu năm	1,408,131,849	1,408,131,849
Tăng	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	1,408,131,849	1,408,131,849
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

(*) Chi phí đào ao tại cồn Đông Quới, cồn Đông Giang - xã Tân Khánh Đông - thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng Tháp.

	31/12/2012	01/01/2012
9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2,508,059,906	3,197,446,021
Đầu tư ban đầu	4,000,000,000	4,000,000,000
Tăng giảm tính theo phần sở hữu tại Docitrans	(1,491,940,094)	(802,553,979)
10. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Mua cổ phần Công ty CP Du lịch Đồng Tháp	(10.1) 1,729,410,000	1,729,410,000
Đầu tư tại Công ty CP Thuốc sát trùng VN	(10.2) 185,824,000	185,824,000
Mua cổ phần Ngân hàng Công Thương Việt Nam	(10.3) 2,575,360,000	2,575,360,000
Cộng	4,490,594,000	4,490,594,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(10.1) Đầu tư dài hạn mua 100.000 cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp với giá mua là 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Trong năm 2009, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của năm 2008 là 20.000.000 đồng và 2.000 cổ phần. Trong năm 2010 thu cổ tức năm 2009 bằng tiền là: 30.600.000 đ. Cổ tức bằng cổ phiếu: 3.060 cp. Cổ phiếu thưởng: 4.080 cp. Năm 2011 góp vốn đầu tư dự án Khu du lịch Mê Kông và bổ sung vốn lưu động tương đương: 70.941 cp. Cổ tức được chia 2010: 76.398.000 đ. Chia cổ tức 2011 bằng cổ phiếu 2% tương đương: 3.602 cp; cổ phiếu thưởng 3% tương đương: 5.402 cp. Cổ phiếu đang sở hữu tính đến ngày 31/12/2012 là: 189.085 cp. Cổ tức 2011: 36.020.000 đ.

(10.2) Đầu tư mua 22.400 cổ phần Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam với giá mua là 8.296 đồng/cổ phần. Trong năm 2009, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của năm 2008 là 11.200.000 đồng. Năm 2010 nhận cổ tức 2009: 33.600.000 đ. Năm 2011 nhận cổ tức 2010: 33.600.000 đ. Năm 2012 nhận cổ tức 2011: 35.840.000 đ

(10.3) Đầu tư dài hạn mua 100.000 cổ phần Ngân hàng Công Thương Việt Nam với giá mua là 20.257 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Trong năm 2010, Công ty nhận được thông báo chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỉ lệ: 6,83% và phát hành thêm 28% cp theo mệnh giá 10.000 đ/cp. Năm 2011 mua thêm 26.966 cp mệnh giá 10.000 đ/cp. Cổ phiếu sở hữu đến ngày 31/03/2012 là: 161.796 CP. Chia cổ tức 2011 bằng cổ phiếu 20% tương đương: 32.359 cp; cổ phiếu thưởng 9,6% tương đương: 15.532 cp. Tính đến 31/12/2012 cổ phiếu sở hữu là: 209.687 cp.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ
Cộng

31/12/2012	01/01/2012
2,410,708,968	3,351,443,384
2,410,708,968	3,351,443,384

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Lãi chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch nội bộ
Cộng

31/12/2012	01/01/2012
1,388,703,608	1,933,216,376
1,388,703,608	1,933,216,376

13. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn ngân hàng
 Nợ dài hạn đến hạn trả
Cộng

(*)

31/12/2012	01/01/2012
555,583,732,868	708,516,556,338
1,092,773,500	9,390,572,905
556,676,506,368	717,907,129,243

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
NH Công Thương - Đồng Tháp	227,741,007,000	939,521,437,345	921,642,310,820	245,620,133,525
NH Ngoại Thương - Đồng Tháp		356,565,833,402	296,177,833,402	60,388,000,000
NH Đầu tư PT - Đồng Tháp	71,400,000,000	54,000,000,000	125,400,000,000	-
NH TMCP An Bình CN Vĩnh Long				-
NH TNHH MTV ANZ	103,765,781,700	266,107,000,000	369,872,781,700	-
NH NATIXIS TP HCM		177,605,095,000	144,272,275,000	33,332,820,000
NH Quân đội Chi nhánh Chợ Lớn	10,414,000,000	318,198,400,000	267,555,860,000	61,056,540,000
NH TNHH MTV HSBC TP HCM	92,831,060,000	169,957,990,000	202,405,297,300	60,383,752,700
NH Công Thương CN Sa Đéc	37,957,030,758	51,775,763,013	70,736,415,749	18,996,378,022

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

NH SCB_PGĐ Sa Đéc	3,178,581,908	10,724,291,289	13,902,873,197	-
NH TMCP Á Châu CN Đồng Tháp	75,765,094,972	144,460,174,504	165,419,160,855	54,806,108,621
NH TMCP An Bình CN VL	85,464,000,000	116,050,000,000	180,514,000,000	21,000,000,000
Cộng	708,516,556,338	2,604,965,984,553	2,757,898,808,023	555,583,732,868
14. Phải trả người bán và người mua trả trước		31/12/2012	01/01/2012	
Phải trả người bán		109,900,564,693	135,791,455,385	
Người mua trả tiền trước		937,852,023	1,001,434,640	
Cộng		110,838,416,716	136,792,890,025	
15. Thuế và các khoản phải nộp		31/12/2012	01/01/2012	
Thuế giá trị gia tăng		3,551,923,217	2,526,240,528	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-	5,147,116,148	
Thuế nhập khẩu		3,540,760	2,705,690	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		171,469,984	2,689,779,422	
Thuế thu nhập cá nhân		77,325,228	117,505,302	
Thuế tài nguyên		587,517	286,425	
Tiền thuê đất		803,250,549	479,650,039	
Các loại thuế khác		10,828,999	13,800,538	
Phí và các khoản lệ phí		68,854,094	5,626,860	
Cộng		4,687,780,348	10,982,710,952	
16. Phải trả người lao động		31/12/2012	01/01/2012	
Tiền lương phải trả		1,638,056,000	3,109,205,698	
Cộng		1,638,056,000	3,109,205,698	
17. Chi phí phải trả		31/12/2012	01/01/2012	
Trích trước chi phí lãi vay		807,727,867	2,655,050,166	
Trích trước tiền thuê hạ tầng khu CN Sông Hậu				
Trích trước tiền chiết khấu ...				
Trích trước bán hàng, thuê kho, vận chuyển, giao nhận, ủy thác...		2,345,514,759	453,277,485	
Cộng		3,153,242,626	3,108,327,651	
18. Phải trả khác		31/12/2012	01/01/2012	
Tài sản thừa chờ xử lý		912,573,537	596,151,028	
Kinh phí công đoàn		535,006,578	300,288,843	
Bảo hiểm xã hội		1,655,010,219	1,647,698,950	
Bảo hiểm y tế		619,920	239,215,410	
Phải trả cổ phần hóa		-	25,063,000	
Nhận ký quỹ		720,000		
Phải trả khác (*)		5,843,790,514	3,426,343,985	
Bảo hiểm thất nghiệp		36,000	101,341,520	
Cộng		8,947,756,768	6,336,102,736	

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(*) Bao gồm:

Tài sản thừa chờ xử lý

- Các khoản nhận ký quỹ ngắn hạn

1,830,000,000

- Bảo hành công trình

- Cổ tức 2008+2009+2010

130,340,000

- Cổ tức 2011

34,800,000

- Các khoản phải trả khác

3,848,650,514

Cộng**5,843,790,514****19. Phải trả dài hạn khác**

31/12/2012

01/01/2012

Phải trả ngân sách Nhà nước

(19.1)

32,898,604,359

31,642,716,359

Các khoản nhận đặt cọc tiền cho thuê đất tại KCN Sông Hậu

3,913,610,391

Doanh thu nhận trước

(19.2)

48,617,779,070

26,504,866,366

Cộng**81,516,383,429****62,061,193,116**

(19.1) Phải trả dài hạn khác là nguồn vốn đầu tư vào khu Công nghiệp Sông Hậu do ngân sách Nhà nước thực hiện.

(19.2) Doanh thu nhận trước đến ngày 31/12/2012 là 48.617.779.070 đồng là các khoản tiền cho thuê đất theo các hợp đồng cho thuê lại đất tại khu Công nghiệp Sông Hậu ký giữa Công ty và các đơn vị thuê đất trong khu Công nghiệp Sông Hậu.

20. Vay dài hạn

31/12/2012

01/01/2012

Vay dài hạn

24,430,618,300

18,637,777,573

Trừ các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả

-

Tổng cộng**24,430,618,300****18,637,777,573****Chi tiết các khoản nợ vay dài hạn ngân hàng**

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Quỹ hỗ trợ PT - Đồng Tháp				
Quỹ Đầu tư PT - Đồng Tháp				-
NH Công Thương Đồng Tháp		5,792,840,727		5,792,840,727
NH TMCP Á Châu - Đồng Tháp	18,637,777,573			18,637,777,573
Cộng	18,637,777,573		-	24,430,618,300

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 56291039.02 ngày 30/6/2009; Hạn mức tín dụng: 35 tỷ đồng; Mục đích vay: xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản; thời hạn vay: 90 tháng; thời gian ân hạn: 6 tháng; lãi suất: 0,88 %/tháng; Nợ gốc được trả định kỳ hàng quý với số tiền trả mỗi quý: 1.242.531.000 đồng/quý; Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị ước tính là 75.640.000.000 đồng. Nợ dài hạn đến hạn trả 2012:4.970.124.000 đồng. Vay vốn đầu tư dự án Giồng Găng:5.792.840.727 đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	
Số dư đầu năm	71,517,866
Điều chỉnh dự phòng chi chưa hết	(10,362,268)
Tăng	86,238,950
Giảm	
Số dư cuối năm	147,394,548
22. Tình hình tăng giảm vốn	

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nguồn vốn kinh doanh	132,000,000,000			132,000,000,000
Vốn kíc thuộc vốn chủ sở hữu	14,920,000,000			14,920,000,000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(650,991,917)	1,442,349,362	791,357,445	-
Quỹ đầu tư phát triển	13,200,437,700	2,528,000,000		15,728,437,700
Quỹ dự phòng tài chính	9,179,898,500	1,264,000,000		10,443,898,500
Lợi nhuận chưa phân phối	34,710,109,492	(31,781,514,758)	29,104,428,367	(26,175,833,633)
Cộng	203,359,453,775	(26,547,165,396)	29,895,785,812	146,916,502,567

LN chưa phân phối giảm: 29.104.428.367 đ. Gồm

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2011	
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2011	2,067,000,000
- Trích quỹ dự phòng tài chính Năm 2010	2,528,000,000
- Chia cổ tức bằng tiền 20% mệnh giá	1,264,000,000
- Truy thu thuế TNDN 2010 theo BB Kiểm toán nhà nước	26,400,000,000
- Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiếu số năm trước	12,500,000
- Điều chỉnh số liệu theo BB thanh tra thuế, Cty Dasco	(3,701,966,239)
- Truy thu thuế TNDN 2010+2011 theo BB Cục thuế ĐT	288,799,145
Cộng	246,095,461
Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	29,104,428,367

Cổ đông	Vốn điều lệ		Vốn góp thực tế	
	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần
Tổng Cty Đầu tư & KD Vốn NN	26,759,600,000	2,675,960	26,759,600,000	2,675,960
Ông Phạm Văn Phát	7,873,420,000	787,342		
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	7,873,420,000	787,342		
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Nguyễn Kim				
Các cổ đông khác	89,493,560,000	8,949,356	63,813,870,000	6,381,387
Cộng	132,000,000,000	13,200,000	41,426,530,000	4,142,653
Cổ phiếu quỹ			132,000,000,000	13,200,000
Cộng	132,000,000,000	13,200,000	132,000,000,000	13,200,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

		Năm 2012	Năm 2011
23. Doanh thu			
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ		2,062,128,871,493	2,771,518,955,017
- Trong đó doanh thu xuất khẩu		1,341,977,814,092	1,810,829,684,844
Doanh thu kinh doanh bất động sản			16,064,546,970
Chiết khấu thương mại		(217,812,366)	(272,280,000)
Hàng bán bị trả lại		(397,117,965)	(10,836,366,138)
Giảm giá hàng bán		(2,580,378,345)	(767,054,701)
Thuế tuyệt đối thuế xuất khẩu gạo			
Cộng doanh thu thuần		2,058,933,562,817	2,775,707,801,148
24. Giá vốn			
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán		1,953,823,879,707	2,544,984,324,138
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho			328,210,519
Giá vốn kinh doanh bất động sản			6,539,131,257
Cộng		1,953,823,879,707	2,551,851,665,914
25. Doanh thu hoạt động tài chính			
Lãi tiền gửi ngân hàng		5,551,486,604	11,453,505,800
Lãi tiền cho ứng vốn		12,321,925,057	16,699,230,160
Cổ tức được chia		71,860,000	291,554,076
Lãi đầu tư trái phiếu, mua công trái			
Lãi chuyển nhượng cổ phần			
Lãi do được hưởng chiết khấu			
Lãi chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ		2,248,087,145	10,185,379,503
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm		2,961,067,955	31,494,927,294
Lãi do hàng bán trả chậm, ứng trước tiền hàng		9,906,865,870	14,912,013,448
Thu nhập tài chính khác		9,520,551	128,682,603
Cộng		33,070,813,182	85,165,292,884
26. Chi phí hoạt động tài chính			
Chi phí lãi vay		94,991,232,883	103,821,236,313
Lỗ chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ		99,585,163	350,845,000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm		3,081,457,683	13,206,898,299
Chi phí chiết khấu, bán hàng trả chậm			17,013,242,821
Chi phí tài chính khác		75,266,866	60,372,458
Cộng		98,247,542,595	134,452,594,891

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

			Năm 2012	Năm 2011
27. Chi phí bán hàng				
1	Chi phí nhân viên		6,240,392,122	3,053,572,147
2	Chi phí vận chuyển		31,231,187,897	26,725,136,409
3	Chi phí bao bì		14,673,561,563	17,963,697,535
4	Chi phí thuê kho, nhà xưởng, thuê đất		1,099,234,416	1,230,819,416
5	Chi phí hoa hồng		1,729,282,594	2,672,927,429
6	Chi phí làm hàng		2,441,061,255	5,541,362,987
7	Chi phí bốc xếp		5,985,980,680	6,305,251,287
8	Chi phí bảo hiểm		636,864,505	208,310,626
9	Chi phí kiểm dịch, khử trùng		5,085,169,932	3,781,463,456
10	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi		2,688,818,460	5,398,591,249
11	Chi phí chuyển tiền		409,016,648	473,223,458
12	Chi phí uỷ thác và dịch vụ xuất, nhập khẩu		2,868,939,051	3,822,478,077
13	Chi phí dịch vụ mua ngoài		2,697,442,995	617,686,871
14	Chi phí khác bằng tiền		3,303,726,665	2,149,082,975
	Cộng		81,090,678,783	79,943,603,922
28. Chi phí quản lý doanh nghiệp			Năm 2012	Năm 2011
1	Chi phí tiền lương+ca trưa		21,681,116,514	24,163,590,275
2	BHXH+BHYT+KPCĐ		1,906,103,127	1,633,668,273
3	Thù lao HĐQT, BKS		41,600,000	
4	Chi phí công cụ dụng cụ		2,795,969,558	3,567,504,441
5	Chi phí dự phòng phải thu khó đòi		593,947,163	4,664,621,500
6	Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	
7	Chi phí khấu hao		8,657,699,019	5,308,398,083
8	Chi phí tiếp khách, hội nghị, quảng cáo		3,683,437,055	6,656,647,489
9	Chi phí dịch vụ mua ngoài		4,007,091,071	8,188,015,665
10	Thuế phí lệ phí		26,550,500	
11	Chi phí chuyển tiền, mở LC...		1,273,997,631	2,288,895,174
12	Công tác phí		1,446,172,570	2,553,473,781
13	Phân bổ chi phí lợi thế thương mại		374,478,148	374,478,148
14	Chi phí khác bằng tiền		12,351,673,704	3,603,077,552
	Cộng		58,839,836,060	63,002,370,381
29. Thu nhập khác			Năm 2012	Năm 2011
	Thu tiền bồi thường		803,124,892	104,436,989
	Thu từ thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ, phế liệu		162,112,977,422	823,655,460
	Thu nhập từ tiền hỗ trợ khách hàng			1,324,748,000
	Thu nhập cho thuê mặt bằng			31,500,000
	Thu bất lợi thương mại			2,293,688,773
	Thu bán hồ sơ dự thầu		16,000,000	
	Thu phạt hợp đồng kinh tế			3,186,898,602

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thu hỗ trợ lãi suất tạm trữ gạo	3,505,388,000	3,133,673,000
Thu bán bao bì, phế liệu...	697,358,499	1,482,810,422
Thu bảo hiểm tàu già	165,835,247	
Xử lý công nợ phải trả	3,360,376,151	471,822,903
Thu hồi lại tiền điện, nước	191,452,737	57,315,096
Thu kiểm quỹ thừa	184,596	40,739
Thu nhập khác	185,703,530	3,025,265,716
Cộng	171,038,401,074	15,935,855,700
30. Chi phí khác	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí thanh lý bao phế liệu, TSCĐ...	98,396,570,523	814,149,699
Xử lý công nợ phải thu	306,510,992	
Giá vốn bao thanh lý	77,902,002	71,122,909
Chi bồi thường	107,440,014	
Xử lý tài sản thiếu	-	37,829,026
Chi phí nộp phạt thuế	39,257,636	470,113,249
Thuế không đủ điều kiện hoàn	2,842,181	51,649,398
Chi phí khác	416,552,188	495,393,829
Cộng	99,347,075,536	1,940,258,110
31. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2012	Năm 2011
	2,432,770,914	10,709,069,398
(*) Bao gồm:		
		Năm 2012
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh		(29,525,328,658)
Thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất		529,706,935
Lợi nhuận kế toán trước thuế		(28,995,621,723)
Cộng các khoản chi phí không hợp lệ		169,593,098
- Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia		(36,020,000)
Công (trừ) lỗ kinh doanh của Công ty con		39,707,319,087
Phân bổ lợi thế thương mại 2012		374,478,148
Ảnh hưởng chênh lệch KH TSCĐ 2009+2010+2011		(638,941,666)
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch nội bộ năm 2011		(1,539,109,403)
Trừ thu nhập từ góp vốn liên doanh, liên kết		689,386,115
Tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh		9,201,376,721
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh		2,300,344,180
Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động kinh doanh (a)		2,300,344,180
Thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất		529,706,935
Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng đất (b)		132,426,734
Thuế TNDN phải nộp ước tính (a) + (b)		2,432,770,914

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

32. Công cụ tài chính

32.1- Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền
 Phải thu khách hàng và phải thu khác
 Đầu tư ngắn hạn
 Đầu tư dài hạn
 Tài sản tài chính khác

Giá trị ghi sổ

31/12/2012

01/01/2012

68,098,340,954 65,345,695,565
 202,629,211,967 322,920,492,910
 60,000,000,000 60,000,000,000
 4,490,594,000 4,490,594,000
 7,580,160,427 6,779,208,539
Cộng: 342,798,307,348 459,535,991,014

Công nợ tài chính

Các khoản vay
 Phải trả người bán bán và phải trả khác
 Chi phí phải trả
 Công nợ tài chính khác

31/12/2012

01/01/2012

581,107,124,668 736,544,906,816
 151,746,925,820 177,683,884,871
 3,153,242,626 3,108,327,651

Cộng:

736,007,293,114 917,337,119,338

32.2- Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động về thị giá. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro tỉ giá ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỉ giá. theo tỉ giá giao ngay trong tương hợp cần thiết và thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỉ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm 30/09/2012 như sau:

Tài sản (USD)

31/12/2012

01/01/2012

Tiền và các khoản tương đương tiền
 Phải thu khách hàng và phải thu khác

911,088 1,120,101
 3,528,108 2,101,865

Công nợ phải trả (USD)

31/12/2012

01/01/2012

Phải trả người bán

Vay ngắn hạn

7,988,273 3,400,000

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những yếu tố thay đổi của lãi suất thị trường

Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản tiền đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất thông qua phân tích và dự báo. Công ty đã lựa chọn thời điểm và kỳ hạn phù hợp trong năm để có lãi suất có lợi nhất năm trong quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty cũng đã sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay ngắn hạn bằng ngoại tệ phục vụ sản xuất kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, với lãi suất thấp hơn nguồn vốn vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam. Góp phần giảm thiểu rủi ro lãi suất khi phải trả chi phí cho việc sử dụng vốn vay ngân hàng.

Rủi ro về giá cả:

Rủi ro giá cả là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỉ giá hối đoái. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

32.3- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh là các khoản phải thu người mua và hoạt động tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay.

Phải thu người mua

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động và khả năng thanh toán cho từng đối tượng khách hàng. Qua đó, xem xét và đánh giá Công ty có phải gánh chịu rủi ro tín dụng hay không. Và như vậy, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với các khách hàng.

Tiền gửi Ngân hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch tại các ngân hàng có uy tín, thường xuyên giao dịch và mối quan hệ hợp tác lâu dài từ trước đến nay. Đây cũng là các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm.

32.4- Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa tài sản đến hạn so với công nợ đến hạn trong kỳ. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng về nguồn tiền, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định đối với tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Công ty đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản là không có. Vì Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ hoạt động kinh doanh.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Ngày 31/12/2012				
Các khoản vay	556,676,506,368	18,637,665,573		575,314,171,941
Phải trả cho người bán	109,900,564,693			109,900,564,693
Chi phí phải trả	3,153,242,626			3,153,242,626
Các khoản phải trả khác	8,947,756,768	32,898,604,359		41,846,361,127
Cộng:	678,678,070,455	51,536,269,932	0	730,214,340,387
Ngày 01/01/2012				
Các khoản vay	717,907,129,243	18,637,777,573		736,544,906,816
Phải trả cho người bán	135,791,455,385			135,791,455,385
Chi phí phải trả	3,108,327,651			3,108,327,651
Các khoản phải trả khác	6,336,102,736	35,556,326,750		41,892,429,486
Cộng:	863,143,015,015	54,194,104,323	0	917,337,119,338
33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Năm 2012	Năm 2011	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(31,972,905,405)	35,913,443,259	
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông				
- Các khoản điều chỉnh tăng				
- Các khoản điều chỉnh giảm		(191,390,647)	3,362,990,274	
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		(31,781,514,758)	32,550,452,985	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		13,200,000	13,200,000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(2,408)	2,466	

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Các thông tin khác

Trong năm công ty cổ phần Docimexco mua lại phần vốn góp của Công ty cổ phần Hoàn Mỹ và công ty cổ phần LTTP Vinh Long tại Công ty cổ phần Docifish(là công ty con của Docimexco). Trị giá: 25.955.070.000 đồng. Sau khi mua lại phần vốn góp này; công ty cổ phần Docimexco đã thay đổi tỉ lệ đầu tư vốn tại công ty cổ phần Docifish từ tỉ lệ 73,84% tăng lên 99,99%.

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

	Dvt	Năm 2012	Năm 2011
2 Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	80.62	77.28
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	19.38	22.72
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	83.62	79.86
Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	15.51	15.51
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1.20	1.25
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1.11	1.06
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.10	0.07
Tỉ suất sinh lời			
Tỉ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỉ suất lợi nhuận trước thuế /Doanh thu thuần	%	-1.41	1.62
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	-1.54	1.17
Tỉ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỉ suất lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	-3.06	3.75
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	-3.36	2.71
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	%	-24.08	24.66

Ngày 20 tháng 02 năm 2013


NGUYỄN VĂN HUỆ
Lập biểu


HUYỀNH LONG HỒ
Kế toán trưởng


PHẠM VĂN DŨNG
P.Tổng Giám đốc



Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

	Mua bán gạo VND	Nuôi, bán cá VND	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1,193,089,647,763	569,874,301,715	293,828,180,288	2,056,792,129,766	5,336,741,727		2,062,128,871,493
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	144,201,747,990					(144,201,747,990)	-
Doanh thu từ hoạt động	<u>1,337,291,395,753</u>	<u>569,874,301,715</u>	<u>293,828,180,288</u>	<u>2,056,792,129,766</u>	<u>5,336,741,727</u>	<u>(144,201,747,990)</u>	<u>2,062,128,871,493</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ	<u>21,339,087,208</u>	<u>4,027,710,425</u>	<u>841,955,874</u>	<u>26,208,753,507</u>	<u>-</u>		<u>26,208,753,507</u>
Tài sản bộ phận	437,839,362,324	315,933,535,893	51,463,035,485	805,235,933,702	54,720,013,880		859,955,947,582
Tài sản không phân bổ	-	-	-	87,037,549,559	-		87,037,549,559
Tổng tài sản	<u>437,839,362,324</u>	<u>315,933,535,893</u>	<u>51,463,035,485</u>	<u>892,273,483,261</u>	<u>54,720,013,880</u>		<u>946,993,497,141</u>
Nợ phải trả của các bộ phận	408,978,045,388	165,334,660,258	42,672,246,708	616,984,952,354	81,866,087,747		698,851,040,101
Nợ phải trả không phân bổ				92,986,807,486			92,986,807,486
Tổng nợ phải trả	<u>408,978,045,388</u>	<u>165,334,660,258</u>	<u>42,672,246,708</u>	<u>709,971,759,840</u>	<u>81,866,087,747</u>		<u>791,837,847,587</u>